Ký bởi: UBND tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 849 /QĐ-UBND	*Điện Biên, ngày 28 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Điện Biên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính *(có Danh mục cụ thể kèm theo)*.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn căn cứ Danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này có trách nhiệm:

- Tổ chức triển khai thực hiện theo ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý; đẩy

mạnh công tác thông tin, tuyên truyền và đề ra giải pháp cụ thể để thực hiện hiệu quả việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, đảm bảo số lượng giao dịch phát sinh đạt tỷ lệ theo quy định;

- Chủ động rà soát, tham mưu đề xuất, kiến nghị các bộ, ngành sửa đổi, bổ sung phù hợp quy định và yêu cầu thực tiễn nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thực hiện tái cấu trúc quy trình điện tử gửi Sở Khoa học và Công nghệ để thực hiện cấu hình dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện cấu hình quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục hành chính được công bố kèm theo Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- HTTT giải quyết TTHC tỉnh (Sở TT&TT);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT(NTVA).

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Lê Thành Đô

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

STT	MÃ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN HỒ SƠ	PHÍ, LỆ PHÍ	
				Có	Không
A	**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI CHÍNH (70 TTHC)**				
I	**Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam (03 TTHC)**				
1	1.009664.000.00.00.H18	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài chính (Số 984, đường Võ Nguyên Giáp, Tổ 4, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên		X
2	1.009665.000.00.00.H18	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư			X
3	1.009671.000.00.00.H18	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư			X
II	**Lĩnh vực Đấu thầu (04 TTHC)**				
1	1.012507.000.00.00.H18	Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài chính (Số 984, đường Võ Nguyên Giáp, Tổ 4, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	X	
2	1.012508.000.00.00.H18	Cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu		X	
3	1.012509.000.00.00.H18	Gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu		X	
4	1.012510.000.00.00.H18	Thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu			X
III	**Lĩnh vực Chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiện hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp (03 TTHC)**				
1	2.002665.000.00.00.H18	Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH MTV do nhà nước năm giữ 100% vốn điều lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài chính (Số 984, đường Võ Nguyên Giáp, Tổ 4, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	X	
2	2.002666.000.00.00.H18	Chuyển đổi công ty con chưa chuyển đổi thành công ty TNHH MTV		X	

STT	MÃ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN HỒ SƠ	PHÍ, LỆ PHÍ	
				Có	Không
3	2.002667.000.00.00.H18	Đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài chính (Số 984, đường Võ Nguyên Giáp, Tổ 4, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên		X
IV	**Lĩnh vực Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (08 TTHC)**				
1	2.001999.000.00.00.H18	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài chính (Số 984, đường Võ Nguyên Giáp, Tổ 4, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên		X
2	2.002418.000.00.00.H18	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị			X
3	2.000024.000.00.00.H18	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)			X
4	1.000016.000.00.00.H18	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)			X
5	2.000005.000.00.00.H18	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)			X
6	2.002004.000.00.00.H18	Thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư (cấp tỉnh)			X
7	2.002005.000.00.00.H18	Thông báo giải thể và kết quả quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo			X
8	3.000214.000.00.00.H18	Thủ tục xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (cấp Tỉnh)			X

STT	MÃ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN HỒ SƠ	PHÍ, LỆ PHÍ	
				Có	Không
V	**Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (50 TTHC)**				
1	2.001610.000.00.00.H18	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài chính (Số 984, đường Võ Nguyên Giáp, Tổ 4, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	X	
2	2.001583.000.00.00.H18	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên		X	
3	2.001199.000.00.00.H18	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên		X	
4	2.002043.000.00.00.H18	Đăng ký thành lập công ty cổ phần		X	
5	2.002042.000.00.00.H18	Đăng ký thành lập công ty hợp danh		X	
6	2.002041.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		X	
7	1.005169.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		X	
8	2.002011.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh		X	
9	2.002010.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần		X	
10	2.002009.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		X	
11	2.002008.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên		X	
12	1.005114.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên		X	
13	2.002000.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết		X	

STT	MÃ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN HỒ SƠ	PHÍ, LỆ PHÍ	
				Có	Không
14	2.001996.000.00.00.H18	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài chính (Số 984, đường Võ Nguyên Giáp, Tổ 4, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	X	
15	2.001993.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân		X	
16	2.002044.000.00.00.H18	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết		X	
17	2.001992.000.00.00.H18	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết		X	
18	2.001954.000.00.00.H18	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)			X
19	2.002069.000.00.00.H18	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)			X
20	2.002070.000.00.00.H18	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)			X
21	2.002031.000.00.00.H18	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương			X

STT	MÃ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN HỒ SƠ	PHÍ, LỆ PHÍ	
				Có	Không
22	2.002075.000.00.00.H18	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài chính (Số 984, đường Võ Nguyên Giáp, Tổ 4, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên		X
23	2.002072.000.00.00.H18	Thông báo lập địa điểm kinh doanh			X
24	2.002045.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh			X
25	1.005176.000.00.00.H18	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính			X

STT	MÃ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN HỒ SƠ	PHÍ, LỆ PHÍ	
				Có	Không
26	1.010026.000.00.00.H18	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài chính (Số 984, đường Võ Nguyên Giáp, Tổ 4, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên		X
27	2.002085.000.00.00.H18	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty		X	
28	2.002083.000.00.00.H18	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty		X	
29	2.002059.000.00.00.H18	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)		X	
30	2.002060.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)		X	
31	2.002057.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)		X	
32	2.002034.000.00.00.H18	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại		X	
33	2.002032.000.00.00.H18	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần		X	
34	2.002033.000.00.00.H18	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên		X	
35	1.010027.000.00.00.H18	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên		X	

STT	MÃ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN HỒ SƠ	PHÍ, LỆ PHÍ	
				Có	Không
36	2.002018.000.00.00.H18	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài chính (Số 984, đường Võ Nguyên Giáp, Tổ 4, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên		X
37	2.002017.000.00.00.H18	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế			X
38	2.002015.000.00.00.H18	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp		X	
39	2.002029.000.00.00.H18	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)			X
40	2.002023.000.00.00.H18	Giải thể doanh nghiệp			X
41	2.002022.000.00.00.H18	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhân đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án			X
42	2.002020.000.00.00.H18	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh			X
43	2.000368.000.00.00.H18	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường			X
44	2.000416.000.00.00.H18	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội			X
45	2.000375.000.00.00.H18	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội			X
46	1.010029.000.00.00.H18	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp			X

STT	MÃ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN HỒ SƠ	PHÍ, LỆ PHÍ	
				Có	Không
47	1.010030.000.00.00.H18	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài chính (Số 984, đường Võ Nguyên Giáp, Tổ 4, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên		X
48	1.010031.000.00.00.H18	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán			X
49	1.010010.000.00.00.H18	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp			X
50	1.010023.000.00.00.H18	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp			X
VI	**Lĩnh vực Tin học thống kê (01 TTHC)**				
1	2.002206.000.00.00.H18	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài chính (Số 984, đường Võ Nguyên Giáp, Tổ 4, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên		X
VII	**Lĩnh vực Quản lý công sản (01 TTHC)**				
1	3.000325.000.00.00.H18	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài chính (Số 984, đường Võ Nguyên Giáp, Tổ 4, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên		X

STT	MÃ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN HỒ SƠ	PHÍ, LỆ PHÍ	
				Có	Không
B	**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN (31 TTHC)**				
I	**Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh (05 TTHC)**				
1	1.001612.000.00.00.H18	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện	X	
2	2.000720.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh		X	
3	1.001266.000.00.00.H18	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh			X
4	1.001570.000.00.00.H18	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh			X
5	2.000575.000.00.00.H18	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh			X
II	**Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (26 TTHC)**				
1	2.002635.000.00.00.H18	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện	X (Không thu lệ phí đối với tổ hợp tác)	
2	2.002636.000.00.00.H18	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo			
3	2.002637.000.00.00.H18	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023			X

STT	MÃ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN HỒ SƠ	PHÍ, LỆ PHÍ	
				Có	Không
4	2.002638.000.00.00.H18	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện		X
5	2.002639.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác			X
6	2.002640.000.00.00.H18	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác			X
7	2.002641.000.00.00.H18	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác			X
8	2.002642.000.00.00.H18	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác			X
9	2.002643.000.00.00.H18	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã			X
10	2.002644.000.00.00.H18	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác			X
11	2.002645.000.00.00.H18	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã			X
12	2.002646.000.00.00.H18	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài		X	
13	2.002647.000.00.00.H18	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã			X
14	2.002649.000.00.00.H18	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
15	2.002650.000.00.00.H18	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã			X
16	1.005280.000.00.00.H18	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất		X (Không thu lệ phí đối với tổ hợp tác)	

STT	MÃ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN HỒ SƠ	PHÍ, LỆ PHÍ	
				Có	Không
17	2.002123.000.00.00.H18	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện	X	
18	1.005277.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập		X	
19	1.004901.000.00.00.H18	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
20	1.004979.000.00.00.H18	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập		X	
21	2.001958.000.00.00.H18	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
22	1.005378.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;		X	
23	1.005377.000.00.00.H18	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh			X
24	2.001973.000.00.00.H18	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		X	
25	1.004982.000.00.00.H18	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã			X
26	1.005010.000.00.00.H18	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã			X

STT	MÃ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN HỒ SƠ	PHÍ, LỆ PHÍ	
				Có	Không
C	**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ (01 TTHC)**				
I	**Lĩnh vực Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**				
1	2.002668.000.00.00.H18	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã		X